Số: 3838455

	THACO Linker T2-13 - Mui Bạt - Inox 304	TOWNER V2.3-2S
Giá niêm yết:	**739.500.000đ**	**269.000.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	8.875 x 2.450 x 3.430 mm	4.200 x 1.690 x 2000 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	6.900 x 2.300 x 2.150 mm	2.325 x 1.505 x 1.240 mm (4,33 m^3)
Chiều dài cơ sở	5.200 mm	2.700 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.827/ 1.803 mm	1.450/1.455 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	5.260 kg	1.165 kg
Khối lượng chở cho phép	7.500 kg	945 kg
Khối lượng toàn bộ	12.955 kg	2.240 kg
Số chỗ ngồi	3 chỗ	2 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAI – WP4.1NQ190E50	JL473QH
Loại động cơ	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điều khiển điện tử	Động cơ xăng 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xi lanh	4.088 cc	1.480 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	190/ 2.600 Ps/(vòng/phút)	107/6.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	680/ 1.300 ~ 1.900 N.m/(vòng/phút)	141/4.000 - 5.000 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực khí nén	01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí
Hộp số	Cơ khí, 6 số tiến và 1 số lùi	MR515 M (hộp số có tỉ số truyền tăng)
Tỷ số truyền	ih1=6,092; ih2=3,344; ih3=2,074; ih4=1,398; ih5=1,000; ih6=0,790; iR=5,551	ih1 = 3,992; ih2 = 2,172; ih3 = 1,434; ih4 = 1; ih5 = 0,798; iR = 4,452
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Tang trống, khí nén toàn phần, 2 dòng, có ABS	Phanh thủy lực, trước đĩa, sau tang trống, có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Macpherson
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	8.25R20	175/70R14LT
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	26,5 %	>= 20%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	9,3 m	5.75 m
Tốc độ tối đa	99 km/h	109 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	200 lít	43 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít – Êcu bi, trợ lực thủy lực	Thanh răng – bánh răng Trợ lực điện